

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 28-10-2021

*“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ, TỈNH QUẢNG TRỊ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hải Yến**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Khương Duy** và bà **Nguyễn Thị Mỹ Vinh**

Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Tiến Lực – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đông Hà tham gia phiên tòa: Bà Lê Thùy Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 10 năm 2021, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 196/2021/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2021 về việc: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2021 và Thông báo mở lại phiên tòa số 184/TB-HNGĐ ngày 18/10/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Trần Thị Thu H**, sinh năm 1998; địa chỉ: Khu phố B, phường 1, thành phố Đ H, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

Bị đơn: Anh **Lê Quang N**, sinh năm 1990; địa chỉ: Khu phố B, phường 1, thành phố Đ H, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 18 tháng 8 năm 2021, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị Thu H trình bày:

Về hôn nhân: Chị Trần Thị Thu H và anh Lê Quang N kết hôn tự nguyện năm 2018 tại Ủy ban nhân dân phường 1, thành phố Đ H, tỉnh Quảng Trị. Quá trình chung sống được hai năm đầu hạnh phúc sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hòa hợp nên hay gây gổ lẫn nhau, anh N không có trách nhiệm thương yêu vợ con và chia sẻ khó khăn với chị H trong mọi vấn đề của cuộc sống nên từ đó phát sinh nhiều mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng sống chung nhưng không có hạnh phúc. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và đã ly thân nên chị Trần Thị Thu H xin được ly hôn với anh Lê Quang Nam.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Lê Quang M, sinh ngày

12/7/2018.

Khi ly hôn chị Huyền có nguyện vọng được nuôi cháu Minh, yêu cầu anh Nam cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi con đủ tuổi thành niên.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 24/8/2021 và quá trình giải quyết vụ án anh Lê Quang Nam trình bày:

Về hôn nhân: Anh Lê Quang Nam thừa nhận việc đăng ký kết hôn như chị Trần Thị Thu H trình bày là đúng. Quá trình vợ chồng chung sống có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng xuất phát từ tính tình vợ chồng không hợp nhau, quan điểm sống trái ngược nhau, nên từ đó vợ chồng không có tình cảm và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đến nay không còn khả năng khắc phục. Do đó nguyện vọng của anh Lê Quang N thuận tình ly hôn với chị Trần Thị Thu H.

Về con chung: Anh N có nguyện vọng được nuôi con, nếu không được nuôi con thì anh Nam đồng ý cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và nguyên đơn, bị đơn tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị Thu H được ly hôn anh Lê Quang N.

Về con chung: Xử giao cho chị Trần Thị Thu H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lê Quang M, sinh ngày 12/7/2018. Buộc anh Lê Quang N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Lê Quang M đủ 18 tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Lê Quang N đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Lê Quang N.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân:

Tại phiên tòa anh N vắng mặt nhưng trong quá trình giải quyết vụ án chị Huyền và anh Nam đều trình bày trong quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng, hiện tại đã ly thân không có khả năng hàn gắn nên cả hai bên đều có nguyện vọng được ly hôn.

Thấy rằng, vợ chồng chị H và anh N không còn yêu thương chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của chị Hu, cần áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị H được ly hôn anh Nam.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Lê Quang M, sinh ngày 12/7/2018.

Khi ly hôn chị H và anh N đều có nguyện vọng được nuôi con, chị H yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng, anh N không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con, nếu không được nuôi con, anh N đồng ý cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng. Chị H đang làm việc tại Công ty in Hong Yang mức thu nhập 6.169.000 đồng/tháng, anh N hiện tại đang làm việc tại Shop hoa thu nhập 6.000.000 đồng/tháng.

Xem xét về điều kiện nuôi con thấy rằng cả hai bên đều có điều kiện về kinh tế để nuôi con. Tuy nhiên cháu Minh còn nhỏ (38 tháng tuổi) là độ tuổi trẻ con cần đến sự chăm sóc của mẹ, mặt khác từ khi vợ chồng ly thân con sống với chị H, vì vậy cần giao con cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là hợp lý. Buộc anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Nguyên đơn chị H phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và bị đơn anh N phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, khoản 1, khoản 3 Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí, tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị **Trần Thị Thu H** được ly hôn anh **Lê Quang N**.

- Về con chung: Xử giao cho chị Trần Thị Thu H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lê Quang M, sinh ngày 12/7/2018. Buộc anh Lê Quang N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 (*hai triệu*) đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng nuôi con từ tháng 11/2021 cho đến khi cháu Lê Quang M đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành

án dân sự.

Anh Lê Quang N vẫn có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở anh N thực hiện quyền này.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trần Thị Thu H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Chị Trần Thị Thu H phải chịu 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001293 ngày 18/8/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị. Chị H đã nộp đủ án phí.

Anh Lê Quang N phải chịu 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng án phí về cấp dưỡng nuôi con

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND TP. Đông Hà;
- CCTHADS TP. Đông Hà;
- UBND Phường 1, TP Đông Hà;
- Dương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án; tổ HC -TP.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hải Yến